Ban hành theo Thông tư số 05/2011/TT-BLĐTBXH ngày 23/3/2011 của Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

SỔ QUẢN LÝ NGƯỜI SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN

MÃ HIỆU: Sổ 08-SCN

NĂM …….

QUYỂN SỐ ……

ĐƠN VỊ LẬP SỔ: ……..
……..

NGƯỜI LẬP SỔ
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng dấu)

SỔ QUẢN LÝ NGƯỜI SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CÁC CƠ SỞ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN

TT	Họ và tên/ ngày vào sổ	Chứng minh nhân dân (số, ngày cấp, nơi cấp)	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ văn hóa	Nghề nghiệp/ Tình trạng việc làm	Tình trạng hôn nhân	Tình trạng sức khỏe	Tiền án, tiền sự	Năm bắt đầu sử dụng ma túy	Loại ma túy sử dụng chủ yếu	Hình thức sử dụng ma túy chủ yếu	Số lần đã cai nghiện			Số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại cơ sở quản lý sau cai nghiện kỳ này/ thời hạn quản lý sau cai nghiện theo quyết định	Hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội				Biến động (đi – đến, chết …)	Hoàn thành quản lý sau cai nghiện (số, ngày, cấp Giấy chứng nhận)	Ghi chú
														Cai bắt buộc tại trung tâm	Cai bắt buộc tại cộng đồng	Các hình thức cai nghiện khác		Học văn hóa (lớp học/ ngày bắt đầu học/ ngày kết thúc khóa học)	Học nghề (nghề được học/ ngày bắt đầu học/ ngày hoàn thành khóa học)	Tổ chức lao động sản xuất có thu nhập (việc làm được sắp xếp/ ngày bắt đầu đi làm)	Hỗ trợ khác			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
1																								
2																								
3																								

HƯỚNG DẪN CÁCH GHI

SỔ QUẢN LÝ NGƯỜI SAU CAI NGHIỆN MA TÚY TẠI CƠ SỞ QUẢN LÝ SAU CAI NGHIỆN

(Mã hiệu: 08-SCN)

I. Đơn vị lập sổ: Các cơ sở quản lý sau cai nghiện, hoạt động theo quy định tại Nghị định 94/2009/NĐ-CP ngày 26/10/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống ma túy về quản lý sau cai nghiện ma túy.

II. Đối tượng ghi sổ: Người đang thực hiện quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện theo Quy định tại Nghị định số 135/2004/NĐ-CP.

III. Thời gian mở sổ: theo năm.

Ngày mở sổ: ngày 1 tháng 1 hàng năm.

Ngày khóa sổ: ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Khi mở sổ ngày lập sổ phải ký, ghi rõ họ tên. Giám đốc cơ sở phải ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu.

Tùy theo tình hình, số lượng người cai nghiện tại cơ sở, mỗi năm mỗi cơ sở có thể mở nhiều quyển.

IV. Cách ghi sổ:

1. Hướng dẫn chung:

- Sổ được thiết kế gồm 25 cột. Theo thiết kế mẫu, mỗi trang cập nhật thông tin của 3 đối tượng. Tùy theo thực tế phát sinh tại địa phương có thể số đối tượng tại mỗi trang ghi ít hoặc nhiều hơn.

- Ngoài thông tin khi mới đưa vào sổ, cán bộ ghi sổ cần cập nhật thông tin phát sinh của người cai nghiện vào sổ. Khi cập nhật thông tin thì cần ghi cả ngày phát sinh thông tin trong dấu ngoặc đơn. Ví dụ: ông Nguyễn Văn A được đưa vào sổ quản lý ngày 25/4/2011. Tại thời điểm đó ông A có trình độ văn hóa không biết chữ. Khi vào sổ ngày 25/4 ghi trình độ học vấn của ông A là không biết chữ. Ngày 15/12 ông A được hoàn thành chương trình xóa mù chữ. Khi cập nhật thông tin về trình độ học vấn của ông A thì ghi như sau: Xóa mù chữ (15/12)

2. Hướng dẫn cụ thể nội dung từng cột:

Cột 1: Số thứ tự của đối tượng được ghi sổ, bắt đầu là người đang được quản lý sau cai nghiện tại cơ sở tại thời điểm mở sổ. Người đang trong danh sách quản lý sau cai nghiện tại cơ sở khi khóa sổ của năm trước (ngày 31/12) sẽ được chuyển sang danh sách quản lý của năm kế tiếp (ngày 1/1). Trong năm có phát sinh người quản lý sau cai nghiện tại cơ sở thì tiếp tục cập nhật vào sổ.

Cột 2: Họ và tên của đối tượng theo quyết định cai nghiện tại gia đình, cộng đồng. Phía dưới ghi ngày đưa vào sổ theo dõi, ví dụ:

Nguyễn Văn A (1/1/2011)	Huỳnh Thị B (6/5/2011)

Cột 3: Số chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp.

Cột 4: Năm sinh của đối tượng

Cột 5: Giới tính: Nam hoặc nữ.

Cột 6: Địa chỉ của đối tượng theo quyết định cai nghiện tại cơ sở.

Cột 7: Lớp học cao nhất đã đạt được. Ví dụ: lớp 7/10 (hệ 10 năm), 9/12 (hệ 12 năm), hoặc cao đẳng, đại học …. Nếu không biết chữ ghi "không biết chữ".

Cột 8: Nghề nghiệp hiện nay. Ví dụ: làm ruộng, bán hàng, công nhân … hoặc "không có nghề". Phía dưới ghi tình trạng việc làm (không có việc làm, có việc làm không ổn định, có việc làm ổn định).

Cột 9: Tình trạng hôn nhân: chưa kết hôn, đã có gia đình, li dị, góa.

Cột 10: Tình trạng sức khỏe khi vào cơ sở cai nghiện và cập nhật trong thời gian tại cơ sở: sức khỏe bình thường hay có bệnh gì thì ghi cụ thể.

Cột 11: Số tiền án, tiền sự.

Cột 12: Năm bắt đầu sử dụng ma túy.

Cột 13: Loại ma túy sử dụng chủ yếu (nếu dùng thường xuyên nhiều hơn một loại ma túy thì ghi tất cả các loại ma túy thường xuyên sử dụng).

Cột 14: Hình thức sử dụng ma túy chủ yếu (nếu sử dụng thường xuyên hơn một hình thức thì ghi tất cả các hình thức thường xuyên sử dụng).

Cột 15: Số lần đã đi cai nghiện bắt buộc tại các cơ sở cai nguyện tập trung trước đây.

Cột 16: Số lần đã cai nghiện bắt buộc tại cộng đồng trước đây.

Cột 17: Số lần đã cai nghiện theo các hình thức khác trước đây.

Cột 18: Số, ngày, tháng, năm ban hành, người ban hành quyết định quản lý sau cai cai nghiện tại cơ sở kỳ này/ thời gian cai nghiện theo quyết định.

Cột 19: Trình độ văn hóa được học tại cơ sở (lớp học)/ ngày bắt đầu học, ngày hoàn thành khóa học.

Cột 20: Ghi tên nghề được học tại cơ sở kỳ này/ ngày bắt đầu học, ngày hoàn thành khóa học.

Cột 21: Ghi tên việc làm được bố trí lao động sản xuất có thu nhập/ ngày bắt đầu làm việc.

Cột 22: Ghi các hỗ trợ khác, ví dụ: trợ giúp pháp lý …

Cột 23: Ghi những biến động đi, đến của đối tượng như: bị chết, đi tù, chuyển đi nơi khác.

Cột 24: Ghi số, ngày, tháng, năm cấp Giấy chứng nhận đã chấp hành xong thời gian quản lý sau cai nghiện tại cơ sở.

Cột 25: Ghi chú những điều cần giải thích cụ thể thêm.

3. Ví dụ ghi sổ:

STT	Họ và tên/Ngày vào sổ	Chứng minh nhân dân (số, ngày cấp, nơi cấp)	Năm sinh	Giới tính	Địa chỉ	Trình độ văn hóa	Nghề nghiệp/Tình trạng việc làm
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Nguyễn Văn A 01/01/2011	01961255	1975	Nam	125 Nguyễn Bỉnh Khiêm	Mù chữ	Không có nghề/ Không có việc làm

Tình trạng hôn nhân	Tình trạng sức khỏe	Tiền án, tiền sự	Năm bắt đầu sử dụng ma túy	Loại ma túy sử dụng chủ yếu	Hình thức sử dụng ma túy chủ yếu	Số lần đã cai nghiện			Số, ngày, tháng, năm ban hành, người ban hành quyết định áp dụng biện pháp quản lý sau cai nghiện tại cơ sở kỳ này/ thời hạn quản lý sau cai nghiện theo quyết định
						Cai bắt buộc tại trung tâm	Cai bắt buộc tại cộng đồng	Các hình thức cai nghiện khác	
9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
Độc thân	Lao, Viêm gan B (20/9)	3 tiền sự, 1 tiền án	2006	Heroin	Tiêm chích	1	1	2	QĐ số 36/QĐ-UB ngày 26/10/2010 của Chủ tịch UBND quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Hỗ trợ giải quyết các vấn đề xã hội tại cơ sở	Biến động (đi – đến, chết …)	Hoàn thành thời gian quản lý sau cai nghiện (số, ngày cấp Giấy chứng nhận)	Ghi chú

Học văn hóa (lớp học/ ngày bắt đầu học/ ngày hoàn thành khóa học)	Học nghề (nghề được học/ ngày bắt đầu học/ ngày hoàn thành khóa học)	Giải quyết việc làm (việc làm được sắp xếp/ ngày bắt đầu đi làm)	Hỗ trợ khác (pháp lý, y tế, gia đình, chỗ ở …)			
19	20	21	22	23	24	25
Xóa mù chữ (1/6)	Làm nấm (15/7)	Làm nấm, 500.000 đồng (1/6)	Trợ giúp pháp lý về thừa kế (30/11)	Trở về địa phương (27/11/2011)	QĐ số 65/QĐ-TT ngày 26/10/2011	